

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ  
Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

I. CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

1. Chủ sử dụng đất: Ủy ban nhân dân phường Thượng Cát

- Địa chỉ thường: TDP Yên Nội, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ nơi có đất GPMB: Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
- Tổng diện tích đất bị thu hồi: 58,0 m2
- + Diện tích đất giao theo ND 64/CP là: 0,0 m2
- + Diện tích đất không giao hộ gia đình sử dụng ổn định trước 01/7/2004: 58,0 m2

2. Chủ sở hữu tài sản trên đất: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Thành (Ngoan)

- Địa chỉ: TDP Yên Nội, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI: HỘ GIA ĐÌNH ÔNG NGUYỄN VĂN THÀNH (NGOAN)

| Số TT | NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ                                    | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ (Đồng) | TỈ LỆ (%) | THÀNH TIỀN (đồng) | Trong đó            |                            | Ghi chú                                                                           |
|-------|----------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------------|-----------|-------------------|---------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|       |                                                                |             |          |                |           |                   | Đã phê duyệt (đồng) | Điều chỉnh, bổ sung (đồng) |                                                                                   |
| (1)   | (2)                                                            | (3)         | (4)      | (5)            | (6)       | (7)               | (8)                 | (9) - ((7)-(8))            | (10)                                                                              |
| 1     | Bồi thường hỗ trợ về đất                                       |             |          |                |           | 11.692.800        | 11.692.800          | 0                          |                                                                                   |
|       | Đất NN không giao hộ gia đình sử dụng trước 1/7/2004           | m2          | 58,0     | 201.600        | 100%      | 11.692.800        | 11.692.800          | 0                          |                                                                                   |
| 2     | Bồi thường, hỗ trợ về tài sản                                  |             |          |                |           | 29.586.956        | 13.493.645          | 16.093.311                 |                                                                                   |
| 2.1   | Cây cối hoa màu                                                |             |          |                |           | 7.128.000         | 7.128.000           | 0                          |                                                                                   |
|       | Hoa Hoa hồng cao>1m                                            | cây         | 1.296    | 5.500          | 100%      | 7.128.000         | 7.128.000           | 0                          |                                                                                   |
| 2.2   | Bồi thường, hỗ trợ về công trình.                              |             |          |                |           | 22.458.956        | 6.365.645           | 16.093.311                 | Theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm |
| -     | Bê xây 110, trát trong: V=(2mx2mx1,5m)=6(m3)                   |             |          |                |           |                   |                     |                            |                                                                                   |
|       | Khối lượng gạch xây:<br>(2+1,8)*1,5*2*0,11+(2*2)*0,07=1,53(m3) | m3          | 1,53     | 1.315.288      | 100%      | 2.012.391         | 1.609.913           | 402.478                    |                                                                                   |
|       | Khối lượng trát:<br>(1,8+1,8)*1,5*2+1,8*1,8=14,04(m2)          | m2          | 14,04    | 47.291         | 100%      | 663.966           | 531.173             | 132.793                    |                                                                                   |
| -     | Giếng khoan sâu > 25m                                          | giếng       | 1        | 3.209.000      | 100%      | 3.209.000         | 2.567.200           | 641.800                    |                                                                                   |
| -     | Nhà lưới ni lông, khung tre                                    | m2          | 58,0     | 10.000         | 100%      | 580.000           | 58.000              | 522.000                    |                                                                                   |
| -     | Hàng rào lưới thép B40                                         | m2          | 62,7     | 255.000        | 100%      | 15.993.600        | 1.599.360           | 14.394.240                 |                                                                                   |

B

| Số TT | NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ      | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ (Đồng) | TỈ LỆ (%) | THÀNH TIỀN (đồng) | Trong đó            |                            | Ghi chú                                                          |
|-------|----------------------------------|-------------|----------|----------------|-----------|-------------------|---------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------|
|       |                                  |             |          |                |           |                   | Đã phê duyệt (đồng) | Điều chỉnh, bổ sung (đồng) |                                                                  |
| (1)   | (2)                              | (3)         | (4)      | (5)            | (6)       | (7)               | (8)                 | (9) = ((7)-(8))            | (10)                                                             |
| 3     | Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng | m2          | 58,0     | 3.000          | 0%        | 0                 | 0                   | 0                          | Không hỗ trợ do hộ gia đình không bàn giao mặt bằng đúng tiền độ |
|       | Tổng cộng (1+2+3):               |             |          |                |           | 41.279.756        | 25.186.445          | 16.093.311                 |                                                                  |

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (1)+(2)+(3) 41.279.756 đồng

IV. Tổng số tiền phải nộp ngân sách: 0 đồng

V. Tổng số tiền BTHT & TĐC sau cân đối: (III-IV) 41.279.756 đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Bốn mươi mốt triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng./.



Trong đó: - Tổng số tiền đã phê duyệt: 25.186.445 đồng

- Số tiền điều chỉnh, bổ sung: 16.093.311 đồng

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Tiến